KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	63,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.3%	-7.2%	-

DT thuần — 2023: **30,461** tỷ VNĐ — YoY ▼ 4,518 ▼ 12.9%

LN gộp — 2023: **9,091** tỷ VNĐ — YoY ▼ 1,680 ▼ 15.6%

LN thuần — 2023: **5,403** tỷ VNĐ — YoY ▼ 1,427 ▼ 20.9%

LN sau thuế — 2023: **4,255** tỷ VNĐ — YoY ▼ 1,245 ▼ 22.6%

ROE — 2023: **16.4%** — +/- YoY ▼ 5.7%

ROA — 2023: **12.0%** — +/- YoY ▼ 4.1%

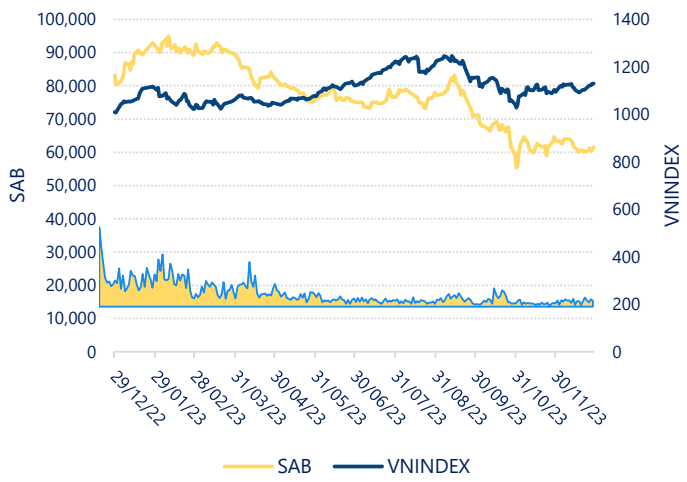

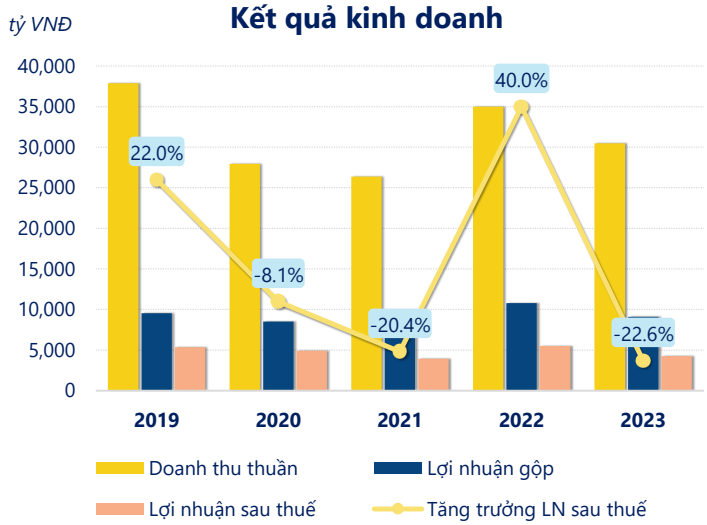

Kết quả kinh doanh **SAB** năm **2023**, doanh thu thuần **giảm mạnh 12.9%** chỉ còn **30,461** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 22.6%** chỉ còn **4,255** tỷ đồng.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **16.4%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

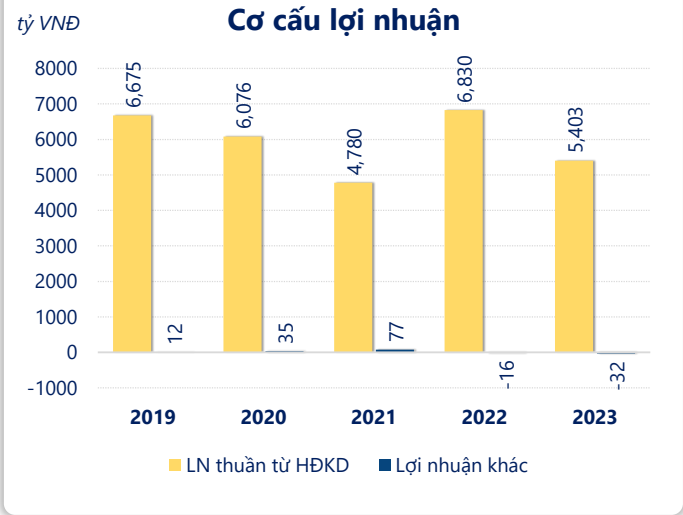

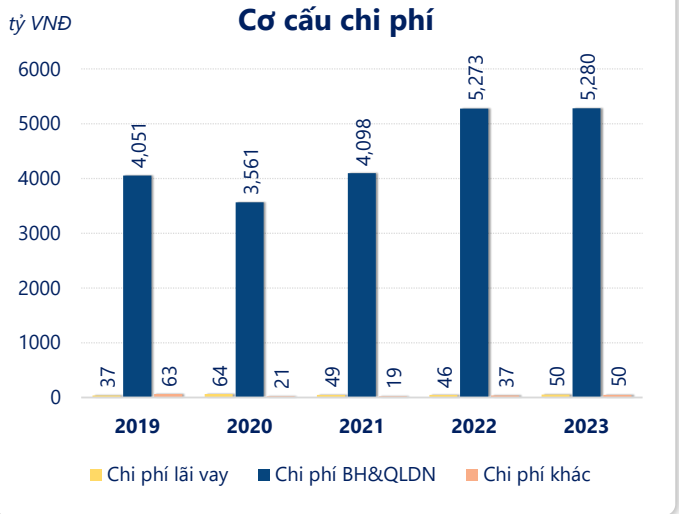

Năm **2023**, **SAB** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **5,403** tỷ đồng, **giảm đi 1,427** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (5,953 tỷ đồng) là 550.1 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **50.21** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **5,280** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **49.71** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của SAB năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **16.4%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

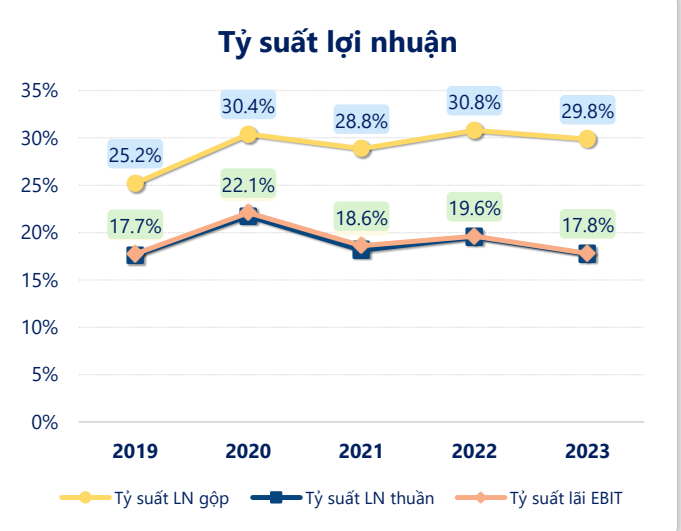

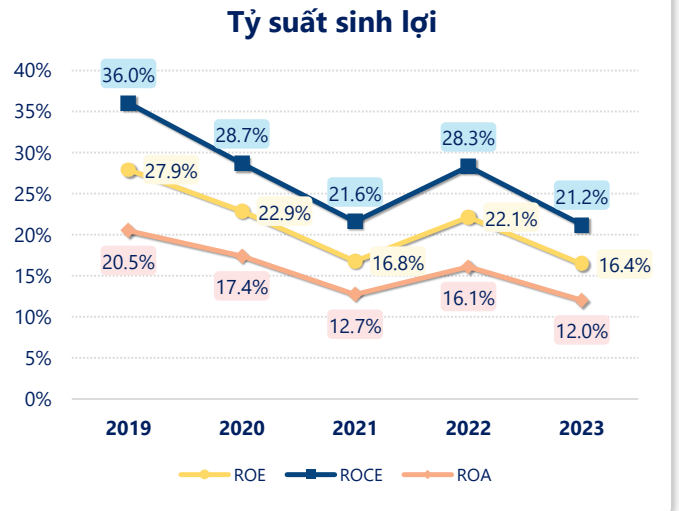

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**37,899**	**27,961**	**26,374**	**34,979**	**30,461**
Giá vốn hàng bán	28,348	19,460	18,765	24,208	21,370
Lợi nhuận gộp	**9,551**	**8,501**	**7,609**	**10,771**	**9,091**
Doanh thu HĐTC	890	974	1,120	1,091	1,433
Chi phí TC	93.0	105	22.8	82.0	73.4
Chi phí lãi vay	**37.4**	**63.7**	**48.7**	**45.5**	**50.2**
LN trong công ty LKLD	378	267	173	323	232
Chi phí bán hàng	3,003	2,859	3,500	4,532	4,479
Chi phí QLDN	1,048	702	598	741	801
LN thuần từ HĐKD	**6,675**	**6,076**	**4,780**	**6,830**	**5,403**
Lợi nhuận khác	11.6	35.4	76.7	-16.2	-32.2
LN trước thuế	**6,686**	**6,112**	**4,857**	**6,813**	**5,370**
Lợi nhuận sau thuế	**5,370**	**4,937**	**3,929**	**5,500**	**4,255**
LNST của CĐ cty mẹ	**5,053**	**4,723**	**3,677**	**5,224**	**4,118**

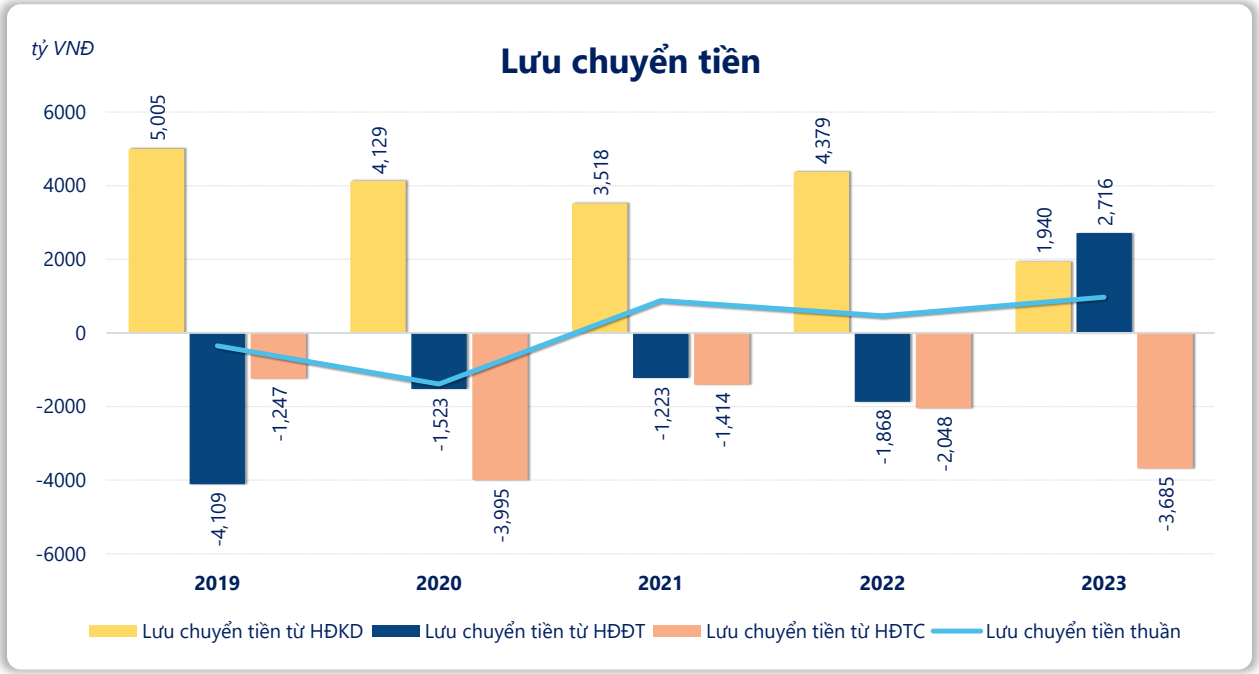

Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của SAB bằng **970.6** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2022 (463.0 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **1,940** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **2,716** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-3,685** tỷ đồng.